

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2026
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đình

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 159/2025/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 169/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1986.

Số định danh cá nhân: 040186008781

Địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: Khối 2, phường Cửa L, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại: Canada; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Khối 2, phường Cửa L, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Danh T, sinh năm 1988.

Số định danh cá nhân: 044088005725

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bồng L 2, xã Bó T, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai (đều có xác nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Canada) và quá trình chuẩn bị xét xử - nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Danh T quen biết nhau trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn. Có đăng ký kết hôn ngày 02/07/2018 tại UBND phường Nghi T, thị xã Cửa L, tỉnh Nghệ An (nay là UBND phường Cửa L, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc tại khối 2, phường Cửa L, tỉnh Nghệ An. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên vào tháng 5/2024 chị H làm thủ tục đi lao động tại Canada cho đến nay, còn anh Nguyễn Danh T vẫn đang ở Việt Nam. Thời gian vợ chồng sống xa nhau tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, giữa hai vợ chồng thường xảy ra xích mích, cãi vã nhau. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Danh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 30/11/2015. Hiện tại cháu N đang sống chung với chị H ở Canada (cháu N đang theo học ở Canada). Nguyên vọng của chị H muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì bản thân chị H đang sinh sống tại Canada, khoảng cách địa lý xa xôi nên chị H không thể về nước để tham gia tố tụng tại Tòa án được. Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

Về phía bị đơn Nguyễn Danh T: Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn anh T không đến Tòa án làm việc cũng không có bản khai mặc dù Tòa án đã tổng đạt, niêm yết đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T biết vụ kiện ly hôn.

* Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 3 năm 2026, bà Nguyễn Thị T trú tại Thôn Bông L 2, xã Bồ T, tỉnh Quảng Trị là mẹ đẻ của anh Nguyễn Danh T đã trình bày: "...con tôi là Nguyễn Danh T đã biết việc chị Trần Thị H đệ đơn xin ly hôn con tôi tại Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị. Con tôi vì lý do công việc nên chưa thể đến Tòa án làm việc được. Đối với yêu cầu ly hôn thì ý kiến của con tôi là yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Đối với tài sản chung và nợ chung thì T con tôi không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung thì tôi là bà nội yêu cầu chị H thì thoảng đưa cháu về thăm".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ, có các bản tự khai đúng quy định thể hiện quyền và nghĩa vụ của

mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

*Về tố tụng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 464 và Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Danh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 30/11/2015 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

Án phí: Buộc các đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo Công văn số 2380/PA08-Đ1 ngày 19/12/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Quảng Trị thì chị Trần Thị H có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 31/8/2024 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo Công văn số 1054/CAX ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Công an xã Bồ T về việc xác nhận tình trạng cư trú của công dân Nguyễn Danh T thể hiện: “Công dân Nguyễn Danh T, sinh ngày 05/3/1988; số định danh cá nhân: 044088005725; có hộ khẩu thường trú tại thôn Bồng L 2, xã Bồ T, tỉnh Quảng Trị. Công dân Nguyễn Danh T hiện nay đang sinh sống, có mặt tại địa phương”. Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài, bị đơn có địa chỉ tại thôn Bồng L 2, xã Bồ T, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị thụ lý là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T biết vụ kiện ly hôn nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh qua người thân của anh T. Theo đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Ngày 10/7/2026 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 nhưng bị đơn anh T vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2026/ QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2026 và ấn định thời gian

xét xử vào ngày 29/7/2026 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Bị đơn anh T đều vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị H và bị đơn anh T. Vụ án do thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và đương sự có đơn đề nghị giải quyết sớm nên Tòa án ra Thông báo thay đổi thời gian xét xử để đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Danh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi chị H sang nước ngoài làm ăn thì tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Danh T không còn quan tâm đến nhau. Thực tế, anh T biết rõ vụ kiện nhưng cũng không có ý gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc, anh cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải, thể hiện ở việc anh không đến tham gia các phiên họp, làm việc, hòa giải mà Tòa án triệu tập. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Danh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 30/11/2015. Hiện nay con đang ở chung với chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo không xáo trộn điều kiện sinh sống và học tập của cháu N, căn cứ hoàn cảnh thực tế cháu N cần sự ổn định tâm lý yên tâm học hành, căn cứ Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H là giao con chung cháu Nguyễn Minh N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và cũng phù hợp nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh N muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự,

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc chị Trần Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238, các Điều 469, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 121, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Danh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 30/11/2015 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Danh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được phép ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001049 ngày 20/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 6, điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Nguyễn Danh T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV1, tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- UBND p. Cửa L, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa

